

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH**

Số: 01/2024/TT6/TB-CBTT
V/v: Báo cáo tài chính quý IV năm 2023 và
công văn giải trình lợi nhuận sau thuế Quý
IV/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, H. Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: 0901.225.777

Fax: (0292) 3730 998

Email: sales@tienthinh.vn

Website: tienthinh.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Tô Thái Thành

Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901.225.777 Fax: (0292) 3730 998

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý IV năm 2023 được ban hành vào ngày 19/01/2024 và giải trình về lợi nhuận sau thuế quý IV/2023 so với lợi nhuận sau thuế của quý IV/2022 của Công ty.

3. Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/01/2024 tại đường dẫn: <http://www.tienthinh.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết các công bố thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Tài liệu đính kèm:

- Bao gồm Báo cáo tài chính quý IV năm 2023 và công văn giải trình lợi nhuận sau thuế.

CTCP TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH
Tổng Giám Đốc - Người được UQ CBTT



Tô Thái Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Ấp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

Mã số thuế: 6300254045

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249,804,533,545	230,333,603,495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,182,715,514	387,390,423
1. Tiền	111	IV.01	1,182,715,514	387,390,423
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		107,400,000	100,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		107,400,000	100,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177,834,056,474	142,774,934,570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.02	52,505,966,613	64,975,485,816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.03	125,142,964,673	74,848,187,474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.04a	185,125,188	2,951,261,280
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	IV.05	68,497,043,691	84,565,970,191
1. Hàng tồn kho	141		69,602,496,264	85,641,183,506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-1,105,452,573	-1,075,213,315
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,183,317,866	2,505,308,311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.06a	577,548,764	816,001,185
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,605,769,102	1,689,307,126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133,735,044,765	142,702,450,343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	IV.04b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		130,314,830,075	141,985,785,638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.07	122,471,815,357	133,968,787,504
- Nguyên giá	222		190,471,611,060	189,308,346,636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-67,999,795,703	-55,339,559,132
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.08	7,843,014,718	8,016,998,134
- Nguyên giá	228		9,231,499,000	9,231,499,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-1,388,484,282	-1,214,500,866
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	IV.09	90,000,000	162,145,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90,000,000	162,145,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,330,214,690	554,519,705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.06b	3,330,214,690	554,519,705
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		383,539,578,310	373,036,053,838
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		168,348,876,872	165,950,656,904
I. Nợ ngắn hạn	310		138,468,876,872	133,825,656,904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.10	15,811,203,188	15,645,858,714
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.11	1,158,036,096	1,119,081,303
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.12	684,485,898	856,275,503
4. Phải trả người lao động	314	IV.13	836,573,687	885,620,526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.14	345,226,192	97,981,529
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.15a	481,507,000	1,335,505,656
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		119,151,844,811	113,885,333,673
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		29,880,000,000	32,125,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	IV.15b		74,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.16b	29,880,000,000	32,051,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215,190,701,438	207,085,396,934
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.17	215,190,701,438	207,085,396,934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		205,458,000,000	169,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		205,458,000,000	169,800,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9,732,701,438	37,285,396,934
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,627,396,934	23,309,939,478

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8,105,304,504	13,975,457,456
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		383,539,578,310	373,036,053,838

Người lập biểu


(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Ngoan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Hà Giang

Lập, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Tiến Hoài



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH
 Ấp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

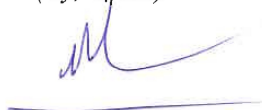
Quý 4 Năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2023	Quý 4 Năm 2022	Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	85.078.145.552	78.722.455.809	298.567.632.409	312.988.695.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.02			57.390.470	2.600.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		85.078.145.552	78.722.455.809	298.510.241.939	312.986.094.544
4. Giá vốn hàng bán	11	V.03	75.891.125.144	70.249.725.541	266.322.122.096	268.675.116.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.187.020.408	8.472.730.268	32.188.119.843	44.310.978.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	106.155.673	1.085.498.713	790.323.765	1.585.196.772
7. Chi phí tài chính	22	V.05	2.892.009.810	3.141.258.709	12.225.343.542	10.053.167.635
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.747.860.427	2.577.164.926	11.715.321.413	9.398.568.548
8. Chi phí bán hàng	25	V.06	1.670.251.700	1.973.499.144	4.935.202.867	12.089.271.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.07	1.640.285.914	2.102.264.703	7.621.582.055	8.218.634.805
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		3.090.628.657	2.341.206.425	8.196.315.144	15.535.101.039
11. Thu nhập khác	31	V.08	783.395.440	30	837.546.664	2.205.531
12. Chi phí khác	32	V.09	274.027.589	69.531.862	386.578.533	805.482.818
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		509.367.851	-69.531.832	450.968.131	(803.277.287)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.599.996.508	2.271.674.593	8.647.283.275	14.731.823.752
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		291.232.597	576.055.020	541.978.771	756.366.296
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.308.763.911	1.695.619.573	8.105.304.504	13.975.457.456
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Ngoan

Kế toán trưởng


(Ký, họ tên)



Trần Hà Giang

Lập ngày 19 tháng 11 năm 2024

Chủ tịch HĐQT
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

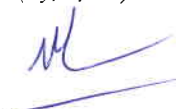



Phạm Tiến Hoài

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2023

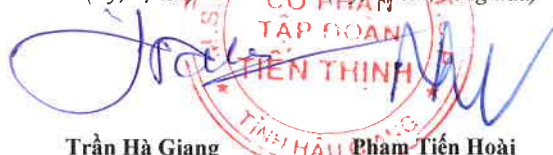
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		315,040,981,767	326,488,841,125
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(310,460,041,646)	(334,803,885,430)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,008,473,558)	(3,308,877,333)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11,533,109,400)	(9,447,808,484)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(751,993,386)	(782,347,609)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53,837,552,093	86,164,952,757
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46,439,175,197)	(60,373,173,475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,314,259,327)	3,937,701,551
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			(100,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		176,580,191,634	244,217,934,548
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(173,484,680,496)	(249,945,586,081)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,095,511,138	(5,727,651,533)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		781,251,811	(1,889,949,982)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		387,390,423	2,161,033,814
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14,073,280	116,306,591
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	1,182,715,514	387,390,423

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Ngoan

Lập, Ngày 19 tháng 01 năm 2024
 Kế toán trưởng Chủ tịch HĐQT
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Hà Giang Phạm Tiên Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sấy và gia công các mặt hàng nông sản. Chế biến và bảo quản rau quả.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định của Chủ sở hữu số 08/2021/QĐ-CSH ngày 25 tháng 8 năm 2021 và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254045, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 9 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị

Địa chỉ

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn Tiến Thịnh

R4.12-14 đường nội khu Hưng Gia 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 123 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 106 nhân viên).

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

8. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

9. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 25
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Chủ tịch Công ty phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt	28.227.291	16.960.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.154.488.223	370.430.040
Cộng	<u>1.182.715.514</u>	<u>387.390.423</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty liên doanh ORANA VN	60.200.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Thông Đỏ	-	18.234.900.000
Aliments Medaillon Food Inc	3.274.439.577	1.116.488.448
World Foods and Flavors USA LLC	3.130.400.000	-
Công ty TNHH MTV NS Toàn Thiên Ngân	-	29.890.138.700
Công ty CP Logistics NS XK Tây Nguyên	44.121.254.800	15.222.054.800
Các khách hàng khác	1.919.672.236	511.903.868
Cộng	<u>52.505.966.613</u>	<u>64.975.485.816</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>3.634.880.000</i>	<i>-</i>
Ông Phạm Tiến Hoài (chuyển nhượng QSD đất)	3.634.880.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Nông sản Hữu cơ Agriorganics	86.705.755.645	72.640.642.745
Công ty Cổ Phần Xây dựng Tiến Đạt	33.265.974.900	1.730.473.500
Các nhà cung cấp khác	1.536.354.128	477.071.229
Cộng	<u>125.142.964.673</u>	<u>74.848.187.474</u>

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tạm ứng	66.618.036	-	761.025.965	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	60.000.000	-	74.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.953.889	-	1.253.889	-
Phải thu khác	53.553.263	-	-	-
Phải thu các bên liên quan		-	2.114.981.426	-
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hạnh Nguyên (lãi vay)	-	-	2.114.981.426	-
Cộng	<u>185.125.188</u>	-	<u>2.951.261.280</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.876.755.233	-	19.224.156.448	-
Công cụ, dụng cụ	1.293.559.488	-	1.297.047.326	-
Thành phẩm	50.432.181.543	(1.105.452.573)	65.119.979.732	(1.075.213.315)
Hàng hóa	-	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Cộng	69.602.496.264	(1.105.452.573)	85.641.183.506	(1.075.213.315)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối kỳ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh số V.17a).

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	77.434.392	28.563.212
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	334.745.862	581.139.797
Chi phí bảo hiểm	165.368.510	206.298.176
Cộng	577.548.764	816.001.185

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.950.754	36.086.369
Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	667.411.326	518.433.336
Trả trước tiền thuê đất	2.632.971.775	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	21.880.835	-
Cộng	3.330.214.690	554.519.705

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2023	110.407.652.350	78.869.785.195	-	30.909.091	189.308.346.636
Số dư tại ngày 31/12/2023	110.407.652.350	78.869.785.195	1.163.264.424	30.909.091	190.471.611.060
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	30.909.091	30.909.091
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số dư tại ngày 01/01/2023	28.933.931.562	26.374.718.479	-	30.909.091	55.339.559.132
Khấu hao trong kỳ	6.127.280.028	6.510.775.344	22.181.199	-	12.660.236.571
Số dư tại ngày 31/12/2023	35.061.211.590	32.885.493.823	22.181.199	30.909.091	67.999.795.703

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2023	81.473.720.788	52.495.066.716	-	-	133.968.787.504
Số dư tại ngày 31/12/2023	75.346.440.760	45.984.291.372	1.141.083.225	-	122.471.815.357

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 110.704.543.414 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ .

8. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất đã toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình là 7.843.014.718 VND được thế chấp toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ .

	31/12/2023	01/01/2023
Nguyên giá	9.231.499.000	9.231.499.000
Giá trị hao mòn	1.388.484.282	1.214.500.866
Giá trị còn lại	7.843.014.718	8.016.998.134

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Sửa chữa, lắp đặt hệ thống trạm cân	-	72.145.000
- Chuyển giao công nghệ sấy	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	162.145.000

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả bên liên quan :		1.164.942.913
Công ty TNHH MTV thực phẩm Hạnh Nguyên	35.064.687	1.164.942.913
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.776.138.501	14.480.915.801
Công ty TNHH MTV TM và DV Thuận Phát Đăk Nông	3.174.367.000	8.074.367.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	52.360.000	151.305.000
Công ty TNHH MTV Á Châu Tây Nguyên	500.364.000	1.314.737.000
Công ty CP Vạn Xuân AGRIC	9.434.138.000	2.511.660.000
Hợp tác xã Thuận Hòa	-	500.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	2.309.242.000	1.148.164.000
Các nhà cung cấp khác	305.667.501	1.945.625.714
Cộng	15.811.203.188	15.645.858.714

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Agrifresh	-	236.700.012
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd	-	783.365.440
Tropextrakt GMBH	1.017.115.120	-
Các khách hàng khác	140.920.976	99.015.851
Cộng	<u>1.158.036.096</u>	<u>1.119.081.303</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2023</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>31/12/2023</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.763.321.709	2.763.321.709	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	756.366.296	549.134.932	759.149.547	546.351.681
Thuế thu nhập cá nhân	99.225.447	249.678.825	211.389.255	137.515.017
Thuế tài nguyên	683.760	7.524.640	7.589.200	619.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.659.567.450	2.659.567.450	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	<u>856.275.503</u>	<u>6.235.227.556</u>	<u>6.407.017.161</u>	<u>684.485.898</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Trái cây chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp	Không kê khai nộp thuế
- Các loại nước ép, trái cây sấy khô xuất khẩu	0%
- Sản phẩm chi qua sơ chế thông thường (sấy khô) ở khâu kinh doanh thương mại bán cho tổ chức khác	5%
- Nước ép, trái cây sấy tiêu thụ nội địa, gia công mặt hàng nông sản	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 7116887881 chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ II ngày 25 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đăng ký hưởng ưu đãi đầu tư theo trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, cụ thể: Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ năm phát sinh doanh thu từ dự án là năm 2016, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m³.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**13. Phải trả người lao động**

Tiền lương phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí hội chợ	-	-
Chi phí thưởng nhân viên, hoa hồng bán hàng	61.680.400	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	283.545.792	97.981.529
Cộng	<u>345.226.192</u>	<u>97.981.529</u>

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>		
Kinh phí công đoàn	366.340.000	223.330.000
Bảo hiểm xã hội	89.454.000	916.100.681
Bảo hiểm y tế	16.101.000	145.376.475
Bảo hiểm thất nghiệp	7.016.000	50.550.000
Phải trả khác	2.447.500	148.500
Cộng	<u>481.358.500</u>	<u>1.335.505.656</u>

15b. Phải trả dài hạn khác :

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Phải trả các bên liên quan		
Ông Phạm Tiến Hoài - Phải trả tiền mượn	-	74.000.000
Cộng	-	74.000.000

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	110.584.844.811	104.081.333.673
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	99.966.964.811	99.991.333.673
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	8.567.000.000	9.804.000.000
Vay Ngân hàng VN Thịnh Vượng	4.090.000.000	4.090.000.000
Vay Ngân hàng Vietinbank	6.527.880.000	-
Cộng	<u>119.151.844.811</u>	<u>113.885.333.673</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất và tài khoản tiết kiệm của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số dư tại ngày 01/01/2023	113.885.333.673
Số tiền vay phát sinh	170.184.191.634
Kết chuyển từ vay dài hạn	8.567.000.000
Số tiền vay đã trả	(173.484.680.496)
Số dư tại ngày 31/12/2023	119.151.844.811

16b. Vay dài hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	29.880.000.000	32.051.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	<u>29.880.000.000</u>	<u>32.051.000.000</u>
Cộng	<u>29.880.000.000</u>	<u>32.051.000.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để thanh toán chi phí đầu tư nhà xưởng của dự án nhà máy sản xuất nước trái cây tại địa chỉ ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang với lãi suất 8,29%/năm và 8,4%/năm cố định 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tư, sau đó lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 18 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất.

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	169.800.000.000	37.285.396.934	207.085.396.934
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này	35.658.000.000	(35.658.000.000)	
Lợi nhuận trong kỳ này		8.105.304.504	8.105.304.504
Số dư tại 31/12/2023	<u>205.458.000.000</u>	<u>9.732.701.438</u>	<u>215.190.701.438</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ông Phạm Tiến Hoài	103.360.900.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Argi Group	-	8.300.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông sản Argiservices	-	8.300.000.000
Các cổ đông khác	102.097.100.000	3.200.000.000
Cộng	<u>205.458.000.000</u>	<u>169.800.000.000</u>

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Dollar Mỹ (USD)	521,46	240,32
Nhân dân tệ (CNY)	2.776	2.776

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	145.712.878.060	147.186.161.200
Doanh thu bán thành phẩm	151.376.754.349	161.693.189.584
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.478.000.000	4.109.344.400
Cộng	298.567.632.409	312.988.695.184

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	57.390.470	2.600.640
Cộng	57.390.470	2.600.640

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	138.550.680.547	141.809.463.301
Giá vốn của thành phẩm đã bán	127.741.202.291	127.493.544.382
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30.329.258	(627.891.233)
Thuế VAT không đủ điều kiện khấu trừ	-	-
Cộng	266.390.092.474	268.675.116.450

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	5.217.192	1.308.288
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.253.889
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	785.106.573	1.582.643.595
Cộng	790.323.765	1.585.196.772

5. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	11.715.321.413	9.419.704.214
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	510.022.129	164.589.141
Lỗ do chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tài sản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	468.874.280
Cộng	12.225.343.542	10.053.167.635

6. Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí cho nhân viên	1.157.176.248	1.254.610.803
Chi phí công cụ, đồ dùng	356.786.315	1.590.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.052.659.821	10.535.416.982
Các chi phí khác	368.580.483	297.653.450
Cộng	4.935.202.867	12.089.271.387

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí cho nhân viên	1.375.432.375	2.149.916.330
Chi phí đồ dùng văn phòng	843.954.103	564.617.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.279.758.453	3.257.741.580
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.789.684.117	2.543.234.895
Các chi phí khác	404.722.469	(302.875.560)
Cộng	<u>7.621.582.055</u>	<u>8.218.634.805</u>
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Thu tiền bồi thường tổn thất tài sản từ bảo hiểm	-	
Thu tiền từ thanh lý công cụ dụng cụ		2.205.531
Thu nhập khác	837.546.664	31
Cộng	<u>837.546.664</u>	<u>2.205.531</u>
9. Chi phí khác		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	21.500.000	161.500.671
Chi phí tổn thất tài sản không được bồi thường		75.483.318
Phạt do vi phạm hợp đồng		409.980.651
Chi phí sửa chữa, thay mới tài sản trong doanh mục mua bảo hiểm	72.145.000	
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	272.624.232	156.000.000
Chi phí khác	20.309.301	2.518.178
Cộng	<u>386.578.533</u>	<u>805.482.818</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.789.840.834	113.420.911.681
Chi phí nhân công	10.982.364.420	10.869.596.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.834.219.987	12.812.038.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.396.805.472	30.200.823.241
Chi phí khác	7.132.866.150	52.332.640
Cộng	<u>126.136.096.863</u>	<u>167.382.703.233</u>

Hậu Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Lập bảng

Nguyễn Văn Ngoan

Kế toán trưởng

Trần Hà Giang

Chủ tịch HĐQT



Phạm Tiến Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TIỀN THỊNH

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 01/2024/TT6/CV-BCTC
V/v giải trình doanh thu lợi nhuận quý
4.2023 so với cùng kỳ 2022

Hậu Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2024

Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ trước.

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023 và lũy kế năm 2023, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tiên Thịnh xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo tài chính quý 4 năm 2023 so với cùng kỳ Báo cáo tài chính quý 4 năm 2022 và năm 2022 như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý 4.2023	Quý 4.2022	Năm 2023	Năm 2022	Tăng (+)/ giảm(-)	
					Q4.2023/ Q4.2022	Năm 2023/ năm 2022
I	2	3	4	5	6=2/3	7=4/5
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85,078,145,552	78,722,455,809	298,510,241,939	312,986,094,544	8%	-5%
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,308,763,911	1,695,619,573	8,105,304,504	13,975,457,456	95%	-42%

1. Doanh thu:

Doanh thu quý 4 năm 2023 tăng 8% so với quý 4 năm 2022 lũy kế cả năm 2023 giảm 5% so với năm 2022 nguyên nhân: Sáu tháng đầu năm 2023 giá nguyên liệu các mặt hàng biến động mạnh theo chiều hướng giảm giá, Vì vậy, Công ty và khách hàng phải đàm phán giá bán cho từng đơn hàng trên cơ sở giá bán tại thời điểm giao hàng từ đó làm ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cũng như doanh thu so với năm 2022. Đồng thời với việc giá nguyên liệu và giá bán có chiều hướng biến động mạnh trong nửa đầu năm 2023 nên Công ty tập trung tích trữ hàng và đẩy mạnh việc bán hàng vào cuối năm nhằm mang lại doanh thu tốt hơn cho Công ty. Vì vậy doanh thu quý 4 năm 2023 có tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2022.

Ngoài ra tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đến cuối năm 2023 vẫn nằm trong giai đoạn khó khăn và đang dần có những tín hiệu phục hồi.

Vì vậy, từ những nguyên nhân trên làm cho doanh thu năm 2023 giảm nhẹ so với năm 2022.

2. Lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022:

Quý 04/2023 Doanh thu tăng khoảng 8%, tuy nhiên chi phí nguyên liệu đầu vào tương đương so cùng kỳ năm 2022 nên biên tỷ lệ lãi gộp quý 4 năm 2023 giữ nguyên so với quý 4 năm 2022.

Trong kỳ quý 4 năm 2023, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, chi phí tài chính giảm 8%, chi phí bán hàng giảm 15% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 22%. Bên cạnh đó, trong quý 4 năm 2023 công ty có khoản lợi nhuận khác 509 triệu đồng.

Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 tăng so với lợi nhuận quý 4 năm 2022 là 95%.

3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với năm 2022:

Doanh thu cả năm 2023 giảm khoảng 5% so với năm 2022. Đồng thời chi phí nguyên liệu đầu vào những tháng đầu năm 2023 tăng mạnh so với năm 2022 làm cho giá vốn hàng bán năm 2023 tăng so với năm 2022 tương đương tăng 3% làm cho biên lãi gộp năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022.

Chi phí tài chính trong năm 2023 tăng so với năm 2022 do lãi suất vay vốn những tháng đầu năm 2023 vẫn duy trì ở mức cao từ 1.5% - 2% so với cùng kỳ năm 2022.

Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận năm 2023 giảm 42% so với năm 2022.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tiên Thịnh Cam kết các nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. TCKT;
- Ban TGD; HĐQT; BKS;
- Lưu VT.

**CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN THỊNH
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Liên Hoài

